

Số: ~~4700~~ /NHNN-TCKT
V/v hướng dẫn hạch toán hỗ trợ lãi suất

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2009

Kính gửi:

- Ngân hàng thương mại nhà nước
- Ngân hàng thương mại cổ phần
- Ngân hàng liên doanh
- Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam
- Ngân hàng 100% vốn nước ngoài
- Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương
- Công ty Tài chính (có danh sách kèm theo)

Căn cứ Thông tư số 02/2009/TT-NHNN ngày 03/02/2009 của Ngân hàng Nhà nước Quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức và cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất- kinh doanh (Thông tư 02/2009/TT-NHNN); Thông tư số 05/2009/TT-NHNN ngày 07/4/2009 của Ngân hàng Nhà nước Quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng thực hiện đầu tư mới để sản xuất- kinh doanh (Thông tư 05/2009/TT-NHNN); và Thông tư số 09/2009/TT-NHNN ngày 05/5/2009 của Ngân hàng Nhà nước Quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất vay vốn mua máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn (Thông tư 09/2009/TT-NHNN);

Căn cứ Hệ thống tài khoản kế toán các Tổ chức tín dụng (TCTD) ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Hệ thống tài khoản kế toán các TCTD;

Để thống nhất quy trình xử lý và hạch toán hỗ trợ lãi suất; tạo điều kiện thuận lợi cho việc lập báo cáo, quyết toán và kiểm tra, kiểm toán đối với các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) hướng dẫn các TCTD (nêu trên) được phép cho vay hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Thông tư 02/2009/TT-NHNN, Thông tư 05/2009/TT-NHNN và Thông tư 09/2009/TT-NHNN (sau đây gọi tắt là Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính) về hạch toán hỗ trợ lãi suất như sau:

I. Nguyên tắc chung

1. Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính thực hiện việc tính và hạch toán lãi cho vay đối với các khoản vay được hỗ trợ lãi suất (HTLS) theo quy định hiện hành về phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi của NHNN và các TCTD.

2. Khi thu lãi cho vay, Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính giảm trừ ngay số tiền lãi phải trả cho khách hàng vay bằng với số lãi tiền vay được HTLS theo quy định.

3. Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính phải có bảng kê hoặc cơ sở dữ liệu có thể in ra được để phục vụ cho việc lập các mẫu biểu báo cáo theo quy định tại Thông tư 02/2009/TT-NHNN, Thông tư 05/2009/TT-NHNN và Thông tư 09/2009/TT-NHNN, quyết toán số tiền HTLS và kiểm tra, kiểm toán, giám sát theo quy định hiện hành. Bảng kê hoặc cơ sở dữ liệu cần phải có các yếu tố:

- Tên khách hàng vay;
- Hợp đồng tín dụng (số và ngày, tháng);
- Thời hạn vay được HTLS;
- Lãi suất cho vay theo Hợp đồng tín dụng;
- Dư nợ cho vay được HTLS;
- Số lãi tiền vay khách hàng phải trả tính theo lãi suất trong Hợp đồng tín dụng phát sinh trong tháng và lũy kế đến thời điểm báo cáo;
- Số lãi tiền vay khách hàng đã trả (đã giảm trừ HTLS) phát sinh trong tháng và lũy kế đến thời điểm báo cáo;
- Số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất (số chưa thực hiện và số đã thực hiện) phát sinh trong tháng và lũy kế đến thời điểm báo cáo;
- Các yếu tố khác, theo hướng dẫn của NHNN (nếu có) và yêu cầu quản lý của Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính.

4. Đối với số tiền đã HTLS không đúng quy định, Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính phải xử lý thu hồi ngay để hoàn trả Nhà nước.

5. Hàng tháng, Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính phải lập “Bảng kê doanh số và số dư các tài khoản phải thu, phải trả về HTLS”. Bảng kê lập riêng theo từng cơ chế HTLS (*mẫu tại phụ lục 01 kèm theo Công văn này*) và gửi về NHNN (Vụ Chính sách tiền tệ và Vụ Tài chính- Kế toán) chậm nhất vào ngày 10 tháng liền kề tháng báo cáo để xử lý chuyển cấp số tiền HTLS.

Để phù hợp với tình hình thực tế, từ tháng 6/2009 trở đi, Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính lập và gửi các Bảng kê theo đúng mẫu và thời gian quy định trên đây. Đối với các tháng trước đó, Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính rà soát lại số liệu để lập và gửi lại Bảng kê theo mẫu này; thời gian hoàn thành: trước 31/7/2009.

6. Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính phải có quy định (hướng dẫn) nội bộ về hạch toán HTLS để thực hiện thống nhất trong hệ thống và gửi về NHNN (Thanh tra Ngân hàng và Vụ Tài chính- Kế toán) để theo dõi. Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực, kịp thời và đầy đủ về số liệu kế toán liên quan đến việc thực hiện HTLS và thực hiện lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán về các khoản cho vay thuộc đối tượng HTLS theo đúng quy định.

II. Tài khoản sử dụng

1. Tùy theo đặc thù ứng dụng công nghệ và quản lý, Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính mở tài khoản tổng hợp cấp 4, cấp 5 hoặc tài khoản chi tiết thích hợp thuộc loại 2- Hoạt động tín dụng và tài khoản “ Lãi phải thu từ cho vay bằng đồng Việt Nam” hoặc áp dụng hệ thống quản lý thích hợp đảm bảo tính chính xác, tin cậy để theo dõi riêng các khoản nợ gốc và lãi cho vay được HTLS theo quy định tại Thông tư 02/2009/TT-NHNN, Thông tư 05/2009/TT-NHNN và Thông tư 09/2009/TT-NHNN.

2. Đối với từng cơ chế HTLS (cơ chế HTLS theo Thông tư 02/2009/TT-NHNN, cơ chế HTLS theo Thông tư 05/2009/TT-NHNN và cơ chế HTLS theo Thông tư 09/2009/TT-NHNN), Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính mở 02 tài khoản chi tiết thuộc tài khoản 3539 “Các khoản chờ Ngân sách Nhà nước thanh toán” để hạch toán theo dõi riêng số lãi tiền vay được HTLS đã thực hiện giảm trừ cho khách hàng vay (*Chi tiết: Phải thu về HTLS đã thực hiện*) và số lãi tiền vay được HTLS chờ giảm trừ cho khách hàng vay (*Chi tiết: Phải thu về HTLS chưa thực hiện*).

3. Khi nhận được tiền để HTLS, Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính hạch toán vào tài khoản 4599 “Các khoản chờ thanh toán khác”; Mở chi tiết: “*Nhận tiền để HTLS*” và riêng theo từng cơ chế HTLS.

4. Đối với các khoản HTLS không đúng quy định, khi thu hồi được Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính hạch toán riêng vào tài khoản 4539 “Các khoản phải nộp khác”; Mở chi tiết: “*Tiền HTLS đã thu hồi để hoàn trả Nhà nước*” và riêng theo từng cơ chế HTLS.

5. Khi lập Bảng cân đối kế toán, Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính thực hiện bù trừ số dư tài khoản 3539 “Các khoản chờ Ngân sách Nhà nước thanh toán” (*Chi tiết: Phải thu về HTLS đã thực hiện*) với số dư tài khoản 4599 “Các khoản chờ thanh toán khác” (*Chi tiết: Nhận tiền để HTLS*).

III. Hạch toán kế toán

1. Hạch toán lãi cho vay phải thu của khách hàng

a) Tại thời điểm tính và hạch toán lãi cho vay phải thu, căn cứ vào chứng từ tính lãi phải thu, hạch toán:

Nợ TK 3941- Lãi phải thu từ cho vay bằng đồng Việt Nam (<i>Chi tiết: Lãi phải thu từ cho vay có HTLS</i>)	Số lãi phải thu của khách hàng (không bao gồm số lãi giảm trừ HTLS)
Nợ TK 3539- Các khoản chờ NSNN thanh toán (<i>Chi tiết: Phải thu về HTLS chưa thực hiện; theo cơ chế HTLS thích hợp</i>)	Số tiền lãi được HTLS chờ giảm trừ cho khách hàng
Có TK 702- Thu lãi cho vay	Tổng số tiền lãi phải thu của khách hàng theo lãi suất ghi trong HĐTD

b) Đối với các khoản vay thuộc đối tượng HTLS đang hạch toán ở nhóm 1, Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính đã hạch toán dự thu lãi nhưng chưa thu của khách hàng và bị chuyển sang các nhóm nợ 2, 3, 4 và 5:

Nợ TK 809- Chi phí khác

Tổng số tiền lãi phải thu của khách hàng theo lãi suất ghi trong HĐTD

Có TK 3941- Lãi phải thu từ cho vay bằng đồng Việt Nam
(Chi tiết: Lãi phải thu từ cho vay có HTLS)

Số lãi phải thu của khách hàng (không bao gồm số lãi giảm trừ HTLS)

Có TK 3539- Các khoản chờ NSNN thanh toán
(Chi tiết: Phải thu về HTLS chưa thực hiện; theo cơ chế HTLS thích hợp)

Số tiền lãi được HTLS chờ giảm trừ cho khách hàng

Đồng thời, hạch toán vào TK 941 “Lãi cho vay chưa thu được bằng đồng Việt Nam” mở tiểu khoản để theo dõi riêng số lãi phải thu của khách hàng (không bao gồm số lãi giảm trừ HTLS); và số lãi được HTLS chưa thực hiện.

2. Khi thu lãi cho vay, căn cứ vào chứng từ thu lãi và giấy xác nhận HTLS đầy đủ xác nhận của khách hàng và Ngân hàng thương mại/ Công ty Tài chính nơi cho vay theo quy định, hạch toán:

a) Trường hợp thu lãi theo phương pháp dự thu:

Nợ TK Thích hợp (Tiền mặt, Tiền gửi của khách hàng)

Có TK 3941- Lãi phải thu từ cho vay bằng đồng Việt Nam
(Chi tiết: Lãi phải thu từ cho vay có HTLS)

Số tiền lãi khách hàng thanh toán (số đã giảm trừ HTLS)

Đồng thời, thực hiện giảm trừ ngay số lãi tiền vay được HTLS cho khách hàng vay, hạch toán:

Nợ TK 3539- Các khoản chờ NSNN thanh toán
(Chi tiết: Phải thu về HTLS đã thực hiện; theo cơ chế HTLS thích hợp)

Có TK 3539- Các khoản chờ NSNN thanh toán
(Chi tiết: Phải thu về HTLS chưa thực hiện; theo cơ chế HTLS thích hợp)

Số tiền lãi đã thực hiện giảm trừ hồ trợ lãi suất

b) Trường hợp thu lãi theo phương pháp thực thu:

Nợ TK Thích hợp (Tiền mặt, Tiền gửi của khách hàng)

Nợ TK 3539- Các khoản chờ NSNN thanh toán
(Chi tiết: Phải thu về HTLS đã thực hiện; theo cơ chế HTLS thích hợp)

Số tiền lãi khách hàng đã thanh toán (số đã giảm trừ HTLS)

Số tiền lãi khách hàng được HTLS

Có TK 702- Thu lãi cho vay

Tổng số tiền lãi thu được theo lãi suất ghi trong HĐTD

Đối với một số Ngân hàng thương mại hoặc Công ty Tài chính có khó khăn trong việc thực hiện hướng dẫn kế toán nêu tại điểm (1) và (2) Mục III trên đây thì Ngân hàng thương mại hoặc Công ty Tài chính đó phải tổ chức hạch toán nghiệp vụ (sử dụng phần mềm riêng hoặc áp dụng cách thức ghi chép, tổng hợp số liệu phù hợp) để ghi chép, tổng hợp và báo cáo chính xác, kịp thời và đầy đủ số liệu về HTLS chưa thực hiện và số liệu về HTLS đã thực hiện theo mẫu quy định. Trong trường hợp này, Ngân hàng thương mại hoặc Công ty Tài chính phải có quy trình nghiệp vụ và hướng dẫn, quán triệt đầy đủ cho cán bộ thực hiện.

3. Định kỳ hàng tháng, khi nhận được chuyển tiền HTLS, hạch toán:

Nợ TK Tiền gửi tại NHNN

Có TK 4599- Các khoản chờ thanh toán khác

(Chi tiết: Nhận tiền để hỗ trợ lãi suất; theo cơ chế HTLS thích hợp)

4. Thu hồi và hoàn trả số tiền đã HTLS không đúng quy định của pháp luật:

a) Thu hồi số tiền đã HTLS không đúng quy định:

- Trường hợp nguyên nhân thuộc về phía khách hàng do sử dụng vốn vay không đúng mục đích quy định tại Thông tư 02/2009/TT-NHNN, Thông tư 05/2009/TT-NHNN và Thông tư 09/2009/TT-NHNN: Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính phải trích ngay tài khoản tiền gửi của khách hàng hoặc yêu cầu khách hàng nộp tiền mặt để thu hồi số lãi tiền vay đã được HTLS trước đó, hạch toán:

Nợ TK Thích hợp (Tiền mặt, Tiền gửi của khách hàng)

Có TK 4539- Các khoản phải nộp khác

*(Chi tiết: Tiền HTLS đã thu hồi để hoàn trả Nhà nước;
theo cơ chế HTLS thích hợp)*

Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính mở sổ chi tiết (ngoại bảng) để hạch toán số lãi tiền vay đã HTLS còn chưa thu hồi được và áp dụng các biện pháp kiên quyết theo quy định của pháp luật (như thu hồi nợ gốc, lãi quá hạn) để truy đòi.

- Trường hợp nguyên nhân thuộc về Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính đã cho vay không đúng đối tượng quy định tại Thông tư 02/2009/TT-NHNN, Thông tư 05/2009/TT-NHNN và Thông tư 09/2009/TT-NHNN thì phải quy trách nhiệm cho đơn vị và cá nhân có liên quan và hạch toán ngay như sau:

Nợ TK 89- Chi phí khác hoặc TK nội bộ thích hợp

Có TK 4539- Các khoản phải nộp khác

*(Chi tiết: Tiền HTLS đã thu hồi để hoàn trả Nhà nước;
theo cơ chế HTLS thích hợp)*

b) Hoàn trả số tiền đã HTLS không đúng quy định:

Khi hoàn trả số tiền đã HTLS cho Nhà nước, hạch toán:

Nợ TK 4539- Các khoản phải nộp khác
(Chi tiết: Tiền HTLS đã thu hồi để hoàn trả Nhà nước;
theo cơ chế HTLS thích hợp)

Có TK Tiền gửi tại NHNN

Hoặc Có TK 4599- Các khoản chờ thanh toán khác
(Chi tiết: Nhận tiền để hỗ trợ lãi suất;
theo cơ chế HTLS thích hợp)

Trong trường hợp NHNN thực
hiện khấu trừ vào số tiền HTLS
chuyển cấp hàng tháng

Hoặc hạch toán như hướng dẫn tại điểm 5 Công văn này (nếu được phép).

5. Quyết toán số tiền HTLS:

Căn cứ Quyết định hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền NHNN phê duyệt quyết toán số tiền HTLS; và khi nhận được chuyển tiền HTLS (phần còn lại), sau khi kiểm soát khớp đúng, chính xác, Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính hạch toán tất toán số dư TK 4599 và TK 3539 (nêu trên), bút toán ghi:

Nợ TK Tiền gửi tại NHNN

Số tiền HTLS (phần còn lại)

Nợ TK 4599- Các khoản chờ thanh toán khác
(Chi tiết: Nhận tiền để hỗ trợ lãi suất;
theo cơ chế HTLS thích hợp)

Tổng số tiền HTLS đã
nhận được trong năm

Nợ TK 4539- Các khoản phải nộp khác
(Chi tiết: Tiền HTLS đã thu hồi để hoàn trả
Nhà nước; theo cơ chế HTLS thích hợp)

Tổng số tiền HTLS
không đúng quy định đã
thu hồi được (nếu có)

Có TK 3539- Các khoản chờ NSNN thanh toán
(Chi tiết: Phải thu về hỗ trợ lãi suất
đã thực hiện; theo cơ chế HTLS thích hợp)

Tổng số tiền lãi thu
được theo lãi suất ghi
trong HĐTD

Sau khi đã quyết toán số tiền HTLS, nếu còn phát sinh các khoản phải thu, phải trả về HTLS, Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính xử lý theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản phải trả (số tiền HTLS không đúng quy định đã thu hồi để phải hoàn trả Nhà nước), Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính xử lý như hướng dẫn tại điểm 4 trên đây và chuyển nộp về NHNN vào ngày 25 tháng cuối quý.

- Đối với các khoản phải thu về HTLS (nếu có): Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính hạch toán riêng và xử lý theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền NHNN.

x
x x

Công văn này thay thế Công văn số 1183/NHNN-TCKT ngày 23/2/2009 của NHNN v/v hướng dẫn hạch toán hỗ trợ lãi suất năm 2009 và Công văn số

1948/NHNN-TCKT ngày 23/3/2009 của NHNN v/v trả lời vướng mắc về hạch toán hỗ trợ lãi suất năm 2009. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính phản ánh về NHNN (Vụ Tài chính-Kế toán) để có hướng dẫn xử lý, giải quyết kịp thời./.

TL/THÔNG ĐỌC
VỤ TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
 - Ban Lãnh đạo NHNN; (để báo cáo)
 - Vụ CSTT, Thanh tra NH;
 - Sở Giao dịch NHNN;
 - NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố;
 - Các thành viên tổ công tác theo Quyết định số 186/QĐ-NHNN; (để biết)
 - Lưu VP, TCKT2 (5 bản).
- (để biết và phối hợp)



Phạm Hoàng Đức

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY TÀI CHÍNH
THAM GIA THỰC HIỆN HỖ TRỢ LÃI SUẤT**

(Kèm theo Công văn số ~~4100~~./NHNN-TCKT ngày 22./6/2009
của Ngân hàng Nhà nước)

1. Công ty tài chính Cao su;
2. Công ty tài chính Than và Khoáng sản Việt Nam;
3. Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí;
4. Công ty tài chính Công nghiệp Tàu thủy;
5. Công ty tài chính Handico;
6. Công ty tài chính Dệt may;
7. Công ty tài chính cổ phần Điện lực;
8. Công ty tài chính cổ phần Sông Đà;
9. Công ty tài chính cổ phần Xi măng.

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CÔNG TY TÀI CHÍNH

Phụ lục 01
 (Kèm theo Công văn số 4700/NHNN-TCKT
 ngày 22/6/2009 của Ngân hàng Nhà nước)

BẢNG KÊ DOANH SỐ VÀ SỐ DƯ CÁC TÀI KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỀ HỖ TRỢ LÃI SUẤT ⁽¹⁾
(Cơ chế hỗ trợ lãi suất theo Thông tư số ...⁽²⁾.../2009/TT-NHNN)
 Tháng /200X

Đơn vị tính:

STT	Chi tiêu	Doanh số phát sinh		Số dư	
		Nợ	Có	Nợ	Có
I	Các khoản phải thu về hỗ trợ lãi suất				
1	TK 3539 (Chi tiết: Phải thu về hỗ trợ lãi suất chưa thực hiện)				
2	TK 3539 (Chi tiết: Phải thu về hỗ trợ lãi suất đã thực hiện)				
	Cộng (I):				
II	Các khoản phải trả về hỗ trợ lãi suất				
1	TK 4599 (Chi tiết: Nhận tiền để hỗ trợ lãi suất)				
2	TK 4539 (Chi tiết: Tiền hỗ trợ lãi suất đã thu hồi để hoàn trả Nhà nước)				
	Cộng (II):				
III	TK 941 (Chi tiết: Số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất chưa thực hiện đang theo dõi ngoại bảng)				

....., ngày ... tháng ... năm.....

Người lập
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Tổng Giám đốc
 (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Bảng kê lập theo từng cơ chế HTLS;
- ⁽²⁾ Theo Thông tư 02/2009/TT-NHNN hoặc Thông tư 05/2009/TT-NHNN hoặc Thông tư 09/2009/TT-NHNN.